

Số: 523 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Dược

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 850/QĐ-DHN ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-DHN ngày 26/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về điều chỉnh, kiện toàn Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2021;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2021 họp ngày 29/7/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Dược năm 2021 cho 372 sinh viên (có danh sách kèm theo Quyết định này). Trong đó:

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Xếp hạng xuất sắc: | 24 sinh viên |
| - Xếp hạng giỏi: | 130 sinh viên |
| - Xếp hạng khá: | 174 sinh viên |
| - Xếp hạng trung bình: | 44 sinh viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên, Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Tổ chức - Hành chính, Tài chính kế toán và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hải Nam

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NGÀNH DƯỢC

(Kèm theo Quyết định số: 523 /QĐ-DHN, ngày 29 tháng 7 năm 2021)

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
1	1601209	Đỗ Thị Thu Hằng	Nữ	09/12/1998	Hà Tây	Xuất sắc
2	1601418	Nguyễn Thị Phương Liên	Nữ	03/09/1998	Nam Định	Xuất sắc
3	1601685	Mai Văn Tân	Nam	31/08/1998	Nam Định	Xuất sắc
4	1601585	Doãn Thị Hồng Nhung	Nữ	14/05/1998	Hưng Yên	Xuất sắc
5	1601552	Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	14/10/1998	Thanh Hóa	Xuất sắc
6	1601481	Nguyễn Thị Lụa	Nữ	25/05/1998	Hà Nam	Xuất sắc
7	1601800	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	25/06/1998	Thái Bình	Xuất sắc
8	1601026	Nguyễn Phương Anh	Nữ	02/07/1998	Nam Định	Xuất sắc
9	1601076	Phạm Thị Bích	Nữ	12/07/1998	Ninh Bình	Xuất sắc
10	1601805	Nguyễn Thị Trang	Nữ	29/06/1998	Vĩnh Phúc	Xuất sắc
11	1601090	Nguyễn Quốc Chung	Nam	27/10/1998	Quảng Trị	Xuất sắc
12	1601228	Phùng Thị Hạnh	Nữ	20/09/1998	Thanh Hóa	Xuất sắc
13	1601885	Ngô Hoài Xuân	Nữ	05/01/1998	Bắc Giang	Xuất sắc
14	1601098	Lê Huy Cường	Nam	12/06/1998	Bắc Ninh	Xuất sắc
15	1601282	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	14/06/1998	Bắc Ninh	Xuất sắc
16	1601361	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	30/11/1998	Ninh Bình	Xuất sắc
17	1601720	Hà Phương Thảo	Nữ	09/07/1998	Hà Tây	Xuất sắc
18	1601018	Lại Đức Anh	Nam	20/03/1998	Hà Nội	Xuất sắc
19	1601496	Nguyễn Phương Mai	Nữ	13/11/1998	Hà Nam	Xuất sắc
20	1601729	Nguyễn Thế Thịnh	Nam	16/10/1998	Hà Nội	Xuất sắc
21	1601012	Đồng Thị Nguyệt Anh	Nữ	05/08/1998	Bắc Giang	Xuất sắc
22	1601677	Lê Thị Mai Sương	Nữ	01/09/1998	Nghệ An	Xuất sắc
23	1601021	Lê Trung Anh	Nam	07/03/1998	Hà Tĩnh	Xuất sắc
24	1601798	Lê Thị Thu Trang	Nữ	03/12/1998	Nam Định	Xuất sắc
25	1601010	Đỗ Thị Hồng Anh	Nữ	14/08/1998	Hà Tây	Giỏi
26	1601170	Trịnh Thị Gấm	Nữ	12/04/1998	Thanh Hóa	Giỏi
27	1601373	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	02/09/1998	Hải Dương	Giỏi
28	1601417	Biện Thị Phương Liên	Nữ	25/10/1998	Bắc Ninh	Giỏi
29	1601764	Trịnh Thị Thùy	Nữ	25/12/1998	Thanh Hóa	Giỏi
30	1601649	Trịnh Văn Quý	Nam	10/11/1998	Nam Định	Giỏi
31	1601842	Lê Minh Tuấn	Nam	04/08/1998	Hà Nội	Giỏi
32	1601581	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	22/08/1998	Nghệ An	Giỏi
33	1601329	Nguyễn Như Hưng	Nam	30/07/1998	Bắc Ninh	Giỏi
34	1601548	Đoàn Lê Bảo Ngọc	Nữ	07/05/1998	Ninh Bình	Giỏi
35	1601412	Bùi Nhật Lệ	Nữ	29/01/1998	Nam Định	Giỏi
36	1601477	Nguyễn Hữu Long	Nam	03/05/1998	Hà Nội	Giỏi
37	1601289	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	01/11/1998	Bắc Ninh	Giỏi

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
38	1601353	Phùng Thị Hường	Nữ	13/01/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
39	1601340	Nguyễn Mai Hương	Nữ	15/12/1998	Hà Nội	Giỏi
40	1601177	Phạm Hương Giang	Nữ	24/10/1998	Hải Phòng	Giỏi
41	1601825	Nguyễn Đức Trung	Nam	05/02/1998	Hà Tây	Giỏi
42	1601652	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	23/05/1998	Hải Dương	Giỏi
43	1601674	Trần Minh Sơn	Nam	11/06/1998	Hải Dương	Giỏi
44	1601220	Phạm Thu Hằng	Nữ	16/10/1998	Nam Định	Giỏi
45	1601660	Lê Như Quỳnh	Nữ	08/12/1998	Thanh Hóa	Giỏi
46	1601810	Phan Thị Thu Trang	Nữ	16/05/1998	Bắc Ninh	Giỏi
47	1601165	Lê Thị Duyên	Nữ	01/10/1998	Bắc Giang	Giỏi
48	1601332	Đậu Thị Quỳnh Hương	Nữ	20/10/1998	Nghệ An	Giỏi
49	1601430	Đỗ Khánh Linh	Nữ	10/07/1998	Bắc Giang	Giỏi
50	1601869	Dương Thị Vân	Nữ	23/09/1997	Ninh Bình	Giỏi
51	1601020	Lê Trần Phương Anh	Nữ	24/06/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
52	1601601	Nguyễn Thị Oanh Oanh	Nữ	29/04/1998	Bắc Giang	Giỏi
53	1601214	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	02/12/1997	Nghệ An	Giỏi
54	1601336	Kiều Thu Hương	Nữ	25/11/1998	Hà Tây	Giỏi
55	1601462	Trần Thị Lương Linh	Nữ	21/07/1997	Thái Bình	Giỏi
56	1601513	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nữ	14/01/1998	Thanh Hóa	Giỏi
57	1601636	Hà Thị Phượng	Nữ	30/01/1997	Vĩnh Phúc	Giỏi
58	1601657	Hà Thị Thu Quỳnh	Nữ	28/10/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
59	1601005	Cao Quỳnh Anh	Nữ	02/02/1998	Lào Cai	Giỏi
60	1601056	Đinh Thị Ánh	Nữ	13/01/1997	Nam Định	Giỏi
61	1601150	Lã Thùy Dương	Nữ	22/11/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
62	1601525	Nguyễn Như Nam	Nam	05/10/1998	Hà Nam	Giỏi
63	1601608	Vũ Duy Phong	Nam	16/12/1998	Hải Phòng	Giỏi
64	1601661	Mai Phương Quỳnh	Nữ	30/04/1998	Nam Định	Giỏi
65	1601889	Hoàng Kiều Yến	Nữ	06/03/1998	Liên bang Nga	Giỏi
66	1601761	Cao Thị Thùy	Nữ	13/03/1998	Thái Bình	Giỏi
67	1601045	Phan Thị Lan Anh	Nữ	20/03/1998	Hà Tây	Giỏi
68	1601216	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	13/11/1997	Hà Tĩnh	Giỏi
69	1601517	Đoàn Thị Trà My	Nữ	17/04/1998	Nam Định	Giỏi
70	1601542	Trần Thị Ngân	Nữ	14/12/1998	Thái Bình	Giỏi
71	1601785	Đào Ngọc Toàn	Nam	21/03/1998	Hà Tây	Giỏi
72	1601140	Phạm Thị Thùy Dung	Nữ	10/09/1998	Hà Nam	Giỏi
73	1601333	Đinh Thị Thu Hương	Nữ	20/12/1998	Hòa Bình	Giỏi
74	1601553	Hoàng Thị Bảo Ngọc	Nữ	16/10/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
75	1601593	Vũ Thị Nhung	Nữ	18/07/1998	Nam Định	Giỏi
76	1601630	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Nữ	02/10/1998	Hà Tây	Giỏi
77	1601780	Nguyễn Trần Nam Tiến	Nam	03/12/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
78	1601856	Phạm Anh Tùng	Nam	11/09/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
79	1601149	Đặng Quang Dương	Nam	07/09/1998	Hà Tây	Giỏi
80	1601278	Đỗ Thị Phương Hoa	Nữ	05/02/1998	Thanh Hóa	Giỏi

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
81	1601854	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	28/08/1998	Hà Tây	Giỏi
82	1601868	Triệu Thị Tú Uyên	Nữ	10/02/1998	Nam Định	Giỏi
83	1601190	Nguyễn Thị Hà	Nữ	08/06/1998	Lào Cai	Giỏi
84	1601348	Nguyễn Thu Hương	Nữ	11/04/1998	Thái Bình	Giỏi
85	1601476	Nguyễn Đức Long	Nam	11/12/1998	Hải Phòng	Giỏi
86	1601557	Lê Minh Ngọc	Nữ	07/03/1998	Quảng Ninh	Giỏi
87	1601813	Trần Quỳnh Trang	Nữ	10/06/1998	Nghệ An	Giỏi
88	1601204	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	28/01/1998	Hà Tây	Giỏi
89	1601482	Đặng Công Lực	Nam	27/07/1998	Thanh Hóa	Giỏi
90	1601820	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	19/07/1998	Nam Định	Giỏi
91	1601234	Vũ Thị Hào	Nữ	01/02/1997	Bắc Giang	Giỏi
92	1601414	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	12/02/1997	Hung Yên	Giỏi
93	1601501	Trần Thị Phương Mai	Nữ	21/11/1998	Nam Định	Giỏi
94	1601196	Vũ Thị Thu Hà	Nữ	22/05/1998	Nam Định	Giỏi
95	1601338	Nguyễn Lan Hương	Nữ	01/07/1998	Bắc Giang	Giỏi
96	1601565	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	11/10/1997	Nghệ An	Giỏi
97	1601094	Đỗ Mạnh Cường	Nam	12/08/1998	Thái Nguyên	Giỏi
98	1601206	Đặng Thị Hằng	Nữ	31/03/1997	Bắc Ninh	Giỏi
99	1601584	Đinh Thị Nhung	Nữ	24/11/1998	Nghệ An	Giỏi
100	1601765	Võ Thị Thùy	Nữ	26/10/1998	Nghệ An	Giỏi
101	1601814	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	02/10/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
102	1601034	Nguyễn Thị Quế Anh	Nữ	23/10/1998	Bình Phước	Giỏi
103	1601126	Hoàng Ngọc Diệp	Nữ	08/04/1998	Phú Thọ	Giỏi
104	1601184	Lê Thanh Hà	Nữ	08/09/1998	Thanh Hóa	Giỏi
105	1601202	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	29/11/1998	Hòa Bình	Giỏi
106	1601425	Cần Khánh Linh	Nữ	04/03/1998	Hà Tây	Giỏi
107	1601614	Đinh Thị Hà Phương	Nữ	17/10/1998	Nam Định	Giỏi
108	1601666	Nguyễn Quang Sáng	Nam	18/09/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
109	1601830	Nguyễn Quang Trường	Nam	09/03/1998	Hà Nội	Giỏi
110	1601085	Trần Thị Thùy Chi	Nữ	02/02/1998	Nghệ An	Giỏi
111	1601310	Đồng Thị Thanh Huế	Nữ	25/12/1998	Hải Dương	Giỏi
112	1601445	Mai Thị Linh	Nữ	02/08/1998	Thanh Hóa	Giỏi
113	1601613	Bùi Thu Phương	Nữ	15/09/1997	Hải Dương	Giỏi
114	1601008	Đặng Quang Anh	Nam	05/03/1998	Hà Nội	Giỏi
115	1601042	Phạm Mai Hải Anh	Nữ	01/09/1998	Thái Bình	Giỏi
116	1601080	Bùi Thị Kim Chi	Nữ	22/01/1997	Thái Bình	Giỏi
117	1601193	Phạm Huy Hà	Nam	05/01/1998	Hà Tây	Giỏi
118	1601252	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	20/07/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
119	1601572	Hoàng Thị Nhài	Nữ	13/05/1998	Nam Định	Giỏi
120	1601680	Đặng Văn Thiện Tâm	Nam	06/10/1998	Nam Định	Giỏi
121	1601029	Nguyễn Thị Anh	Nữ	01/07/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
122	1601226	Phạm Thúy Hạnh	Nữ	14/10/1998	Hải Dương	Giỏi
123	1601500	Trần Phương Mai	Nữ	18/07/1998	Thái Bình	Giỏi

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
124	1601725	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	24/08/1998	Vĩnh Phúc	Giỏi
125	1601434	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	07/07/1998	Hưng Yên	Giỏi
126	1601718	Hà Phương Thảo	Nữ	03/12/1997	Lai Châu	Giỏi
127	1601802	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	02/05/1998	Thanh Hóa	Giỏi
128	1601829	Nguyễn Quang Trung	Nam	30/01/1998	Hà Nam	Giỏi
129	1601046	Phan Thục Anh	Nữ	29/11/1998	Thái Bình	Giỏi
130	1601060	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	09/12/1996	Hà Tây	Giỏi
131	1601176	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	07/09/1998	Bắc Ninh	Giỏi
132	1601382	Hoàng Văn Khải	Nam	07/09/1998	Thái Bình	Giỏi
133	1601493	Đinh Thị Lý	Nữ	25/01/1998	Ninh Bình	Giỏi
134	1601760	Võ Minh Thúy	Nữ	21/12/1998	Bắc Giang	Giỏi
135	1601070	Trần Xuân Bách	Nam	14/05/1998	Hà Nam	Giỏi
136	1601093	Đinh Đức Cường	Nam	12/01/1998	Hà Tây	Giỏi
137	1601249	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	26/02/1998	Bắc Ninh	Giỏi
138	1601389	Trương Quang Khánh	Nam	03/05/1998	Bình Định	Giỏi
139	1601426	Cao Thị Thùy Linh	Nữ	11/12/1998	Nghệ An	Giỏi
140	1601792	Nguyễn Thị Trà	Nữ	28/05/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
141	1601772	Trương Thị Thanh Thủy	Nữ	02/08/1998	Hà Nội	Giỏi
142	1601818	Trần Thu Trang	Nữ	12/03/1998	Nghệ An	Giỏi
143	1601264	Dương Văn Hiếu	Nam	27/11/1998	Thanh Hóa	Giỏi
144	1601365	Hoàng Minh Huyền	Nữ	13/07/1998	Thái Bình	Giỏi
145	1601413	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	20/06/1998	Ninh Bình	Giỏi
146	1601441	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	07/08/1998	Nghệ An	Giỏi
147	1501414	Trần Văn Quý	Nam	29/10/1997	Hà Nội	Giỏi
148	1601065	Lê Huyền Áo	Nữ	29/05/1998	Thái Nguyên	Giỏi
149	1601092	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	15/07/1998	Nam Định	Giỏi
150	1601138	Phan Huy Đức	Nam	01/04/1998	Hà Tĩnh	Giỏi
151	1601308	Trần Thị Hồng	Nữ	24/12/1997	Nghệ An	Giỏi
152	1601668	Nguyễn Thị Sen	Nữ	10/03/1998	Nghệ An	Giỏi
153	1601704	Nguyễn Hà Thanh	Nữ	14/06/1998	Hải Dương	Giỏi
154	1601796	Bùi Hoàng Linh Trang	Nữ	11/04/1997	Hải Phòng	Giỏi
155	1601452	Phạm Diệu Linh	Nữ	29/10/1997	Bắc Giang	Khá
156	1601597	Trần Thị Ninh	Nữ	05/04/1998	Hải Dương	Khá
157	1601714	Bùi Thị Thảo	Nữ	28/01/1998	Nghệ An	Khá
158	1601717	Chữ Thị Hương Thảo	Nữ	25/01/1998	Hải Dương	Khá
159	1601484	Đào Thị Lương	Nữ	10/10/1998	Nam Định	Khá
160	1601654	Bùi Thị Quỳnh	Nữ	14/09/1998	Thái Bình	Khá
161	1601208	Đào Thúy Hằng	Nữ	31/05/1998	Thanh Hóa	Khá
162	1601213	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	25/02/1998	Bắc Ninh	Khá
163	1601752	Lê Thị Phương Thúy	Nữ	23/09/1998	Hà Nam	Khá
164	1601236	Bùi Thị Hồng Hậu	Nữ	11/01/1998	Nam Định	Khá
165	1601888	Đỗ Hải Yến	Nữ	17/09/1998	Hải Phòng	Khá
166	1601164	Hà Mỹ Duyên	Nữ	06/12/1998	Thái Bình	Khá

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
167	1601582	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	10/12/1998	Hà Tĩnh	Khá
168	1601733	Cao Thị Thỏ	Nữ	07/10/1998	Hải Dương	Khá
169	1501126	Nguyễn Thị Giang	Nữ	08/06/1997	Hải Phòng	Khá
170	1601033	Nguyễn Thị Phan Anh	Nữ	19/09/1998	Nghệ An	Khá
171	1601442	Lưu Thùy Linh	Nữ	21/01/1998	Hà Nội	Khá
172	1601549	Dương Thị Bích Ngọc	Nữ	10/11/1998	Thái Bình	Khá
173	1601626	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	10/03/1998	Hà Tây	Khá
174	1601852	Nguyễn Khánh Tùng	Nam	29/05/1998	Thái Bình	Khá
175	1601152	Lê Nguyễn Thùy Dương	Nữ	14/09/1998	Nghệ An	Khá
176	1601162	Vũ Thành Duy	Nam	09/04/1998	Hung Yên	Khá
177	1601606	Trần Thị Phong	Nữ	19/01/1998	Hà Tĩnh	Khá
178	1601808	Nguyễn Thu Trang	Nữ	24/04/1998	Hòa Bình	Khá
179	1601074	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	12/10/1998	Hải Dương	Khá
180	1601172	Đỗ Thu Giang	Nữ	30/04/1998	Vĩnh Phúc	Khá
181	1601420	Võ Thị Liên	Nữ	18/06/1998	Nghệ An	Khá
182	1601848	Lê Tuấn Tùng	Nam	24/05/1998	Bắc Giang	Khá
183	1601682	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	19/04/1998	Nghệ An	Khá
184	1601858	Đoàn Thị Tươi	Nữ	09/03/1997	Thái Bình	Khá
185	1601862	Lê Thị Thu Uyên	Nữ	21/06/1997	Ninh Bình	Khá
186	1601884	Trần Hoàng Vũ	Nam	06/03/1998	Hà Tĩnh	Khá
187	1601334	Hồ Thị Quỳnh Hương	Nữ	16/12/1998	Lai Châu	Khá
188	1601866	Nguyễn Thu Uyên	Nữ	19/08/1998	Nghệ An	Khá
189	1601145	Ngô Mạnh Dũng	Nam	25/07/1998	Nam Định	Khá
190	1601245	Đồng Thị Hiền	Nữ	05/08/1998	Nam Định	Khá
191	1601322	Nguyễn Văn Hùng	Nam	10/04/1998	Thái Bình	Khá
192	1601758	Trần Thị Minh Thúy	Nữ	30/10/1998	Nam Định	Khá
193	1601292	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	01/02/1998	Nghệ An	Khá
194	1601556	Lê Bích Ngọc	Nữ	10/01/1997	Nghệ An	Khá
195	1601081	Hoàng Tùng Chi	Nữ	23/01/1998	Lạng Sơn	Khá
196	1601160	Ngô Văn Duy	Nam	18/09/1998	Nam Định	Khá
197	1601605	Nguyễn Thanh Phong	Nam	16/11/1997	Hải Phòng	Khá
198	1601629	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08/11/1998	Thanh Hóa	Khá
199	1601528	Nguyễn Thành Nam	Nam	08/06/1998	Hà Tây	Khá
200	1601536	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	29/03/1998	Bắc Ninh	Khá
201	1601014	Hoàng Ngọc Anh	Nam	05/10/1998	Thanh Hóa	Khá
202	1601832	Phan Anh Tú	Nam	27/07/1998	Hà Tây	Khá
203	1601352	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	29/01/1998	Hà Nội	Khá
204	1601052	Vũ Mai Anh	Nữ	19/05/1998	Nam Định	Khá
205	1601242	Đào Thị Thu Hiền	Nữ	21/07/1998	Nam Định	Khá
206	1601274	Trương Minh Hiếu	Nam	22/05/1998	Hòa Bình	Khá
207	1601598	An Thị Oanh	Nữ	05/01/1998	Hung Yên	Khá
208	1601745	Trần Xuân Thúc	Nam	08/03/1998	Hải Dương	Khá
209	1601112	Vũ Công Danh	Nam	14/08/1998	Thái Bình	Khá

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
210	1601246	Lưu Thị Hiền	Nữ	16/02/1997	Nam Định	Khá
211	1601562	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	05/10/1997	Bắc Giang	Khá
212	1601690	Lê Quốc Thái	Nam	25/07/1998	Thanh Hóa	Khá
213	1601778	Lương Đức Tiến	Nam	25/10/1998	Nam Định	Khá
214	1601817	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	26/03/1997	Thanh Hóa	Khá
215	1601841	Lê Huy Tuấn	Nam	24/05/1998	Thanh Hóa	Khá
216	1601157	Nguyễn Tùng Dương	Nam	15/11/1998	Hà Tây	Khá
217	1601665	Mai Hùng Sâm	Nam	25/02/1998	Nam Định	Khá
218	1601217	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	09/10/1998	Nam Định	Khá
219	1601390	Nguyễn Hữu Đăng Khoa	Nam	04/01/1998	Nghệ An	Khá
220	1601769	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	20/10/1998	Thanh Hóa	Khá
221	1601032	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	27/03/1998	Nghệ An	Khá
222	1601288	Ngô Thu Hoài	Nữ	14/09/1997	Lào Cai	Khá
223	1601506	Đặng Thị Nguyệt Minh	Nữ	15/10/1998	Bắc Ninh	Khá
224	1601004	Bùi Trâm Anh	Nữ	19/09/1998	Quảng Ninh	Khá
225	1601376	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	16/11/1998	Hà Nam	Khá
226	1601409	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	20/02/1997	Hưng Yên	Khá
227	1601210	Lê Thị Hằng	Nữ	29/03/1998	Thanh Hóa	Khá
228	1601286	Trần Thị Mai Hoa	Nữ	30/08/1998	Hưng Yên	Khá
229	1401291	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	07/07/1996	Ninh Bình	Khá
230	1601036	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	26/10/1998	Lạng Sơn	Khá
231	1601293	Trần Thị Hoàn	Nữ	10/06/1998	Nghệ An	Khá
232	1601526	Nguyễn Phương Nam	Nam	06/09/1998	Hưng Yên	Khá
233	1601568	Trần Thái Ngọc	Nữ	28/01/1998	Hải Dương	Khá
234	1601870	Nguyễn Lê Thùy Vân	Nữ	24/08/1998	Thái Bình	Khá
235	1601142	Đào Minh Dũng	Nam	28/08/1998	Yên Bái	Khá
236	1601433	Dương Thị Thùy Linh	Nữ	05/09/1998	Thanh Hóa	Khá
237	1601616	Đỗ Thu Phương	Nữ	22/05/1998	Bắc Ninh	Khá
238	1601656	Hà Diễm Quỳnh	Nữ	03/05/1997	Thanh Hóa	Khá
239	1601850	Ngô Văn Tùng	Nam	06/03/1998	Nam Định	Khá
240	1601001	Đỗ Thúy An	Nữ	25/12/1997	Thanh Hóa	Khá
241	1601701	Đỗ Thu Thanh	Nữ	19/05/1998	Lào Cai	Khá
242	1601734	Bùi Thị Thơm	Nữ	20/01/1998	Nghệ An	Khá
243	1601344	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	27/04/1998	Nam Định	Khá
244	1601638	Chu Văn Quân	Nam	18/01/1998	Hà Nam	Khá
245	1601700	Đào Thị Thanh	Nữ	02/09/1998	Nam Định	Khá
246	1601564	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	28/08/1997	Nghệ An	Khá
247	1601237	Đỗ Văn Hậu	Nam	27/02/1997	Hà Tây	Khá
248	1601432	Đồng Thị Thùy Linh	Nữ	16/02/1998	Thanh Hóa	Khá
249	1601632	Trần Anh Phương	Nữ	01/02/1998	Thanh Hóa	Khá
250	1501477	Phạm Thị Thư	Nữ	19/01/1997	Nam Định	Khá
251	1601281	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	24/06/1997	Thanh Hóa	Khá
252	1601342	Nguyễn Thị Hương	Nữ	22/09/1998	Hà Tĩnh	Khá

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
253	1601384	Nguyễn Đình Khải	Nam	27/03/1998	Nghệ An	Khá
254	1601545	Bùi Thị Hồng Ngọc	Nữ	22/05/1998	Ninh Bình	Khá
255	1601816	Trần Thị Thu Trang	Nữ	01/09/1998	Nam Định	Khá
256	1601168	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/10/1998	Nam Định	Khá
257	1601405	Phạm Văn Lâm	Nam	07/01/1998	Hà Nội	Khá
258	1601058	Hoàng Thị Ngọc Ánh	Nữ	23/05/1998	Phú Thọ	Khá
259	1601077	Nguyễn Thị Bình	Nữ	02/01/1998	Hà Tĩnh	Khá
260	1601280	Lê Phương Hoa	Nữ	20/09/1998	Hưng Yên	Khá
261	1601380	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	27/04/1998	Nam Định	Khá
262	1601465	Hoàng Thị Loan	Nữ	28/11/1998	Thái Bình	Khá
263	1601490	Trần Bảo Ly	Nữ	29/11/1997	Nghệ An	Khá
264	1601550	Hoa Hồng Ngọc	Nam	24/08/1998	Nghệ An	Khá
265	1601089	Phạm Văn Chiến	Nam	05/05/1998	Thanh Hóa	Khá
266	1601238	Hoàng Thị Hậu	Nữ	04/10/1997	Hà Tĩnh	Khá
267	1601488	Lộc Thị Khánh Ly	Nữ	03/11/1998	Thái Nguyên	Khá
268	1601518	Ngô Hà My	Nữ	05/01/1998	Bắc Giang	Khá
269	1601186	Lương Thu Hà	Nữ	25/10/1997	Bắc Giang	Khá
270	1601069	Nguyễn Xuân Bách	Nam	29/09/1998	Hà Tĩnh	Khá
271	1601372	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	21/01/1997	Bắc Ninh	Khá
272	1601437	Lê Diệu Linh	Nữ	03/03/1998	Thanh Hóa	Khá
273	1601530	Nguyễn Văn Nam	Nam	12/01/1995	Nghệ An	Khá
274	1601546	Đặng Thế Ngọc	Nam	24/09/1998	Thanh Hóa	Khá
275	1601809	Phạm Thu Trang	Nữ	15/03/1998	Bắc Ninh	Khá
276	1601037	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	03/11/1998	Thái Bình	Khá
277	1601748	Trần Thị Thương	Nữ	14/12/1997	Nghệ An	Khá
278	1601516	Phan Tuấn Minh	Nam	22/09/1998	Hà Nội	Khá
279	1601250	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	12/06/1998	Nam Định	Khá
280	1601309	Phạm Thị Huê	Nữ	24/09/1998	Phú Thọ	Khá
281	1601589	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/05/1997	Hà Nội	Khá
282	1601864	Lê Thu Uyên	Nữ	01/07/1998	Ninh Bình	Khá
283	1601877	Lê Ngọc Việt	Nam	24/03/1998	Quảng Nam	Khá
284	1601369	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	04/03/1998	Thái Bình	Khá
285	1601454	Phan Thị Phương Linh	Nữ	15/06/1998	Nghệ An	Khá
286	1601469	Phạm Thành Lộc	Nam	13/05/1998	Thái Bình	Khá
287	1601470	Trương Thành Lộc	Nam	02/09/1998	Nghệ An	Khá
288	1601497	Nguyễn Thị Mai	Nữ	23/02/1997	Hà Tây	Khá
289	1501064	Vũ Văn Chinh	Nam	10/07/1997	Hải Dương	Khá
290	1601366	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	26/09/1998	Nghệ An	Khá
291	1601824	Lê Hoàng Trung	Nam	09/05/1998	Hà Tĩnh	Khá
292	1601594	Nguyễn Thị Diệu Ninh	Nữ	25/08/1998	Thái Bình	Khá
293	1601633	Trần Thị Phương	Nữ	15/05/1998	Bắc Ninh	Khá
294	1601886	Trần Thị Xuân	Nữ	12/12/1998	Hải Dương	Khá
295	1601422	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	18/12/1998	Hưng Yên	Khá

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
296	1601676	Trần Thị Song	Nữ	25/04/1995	Hà Tĩnh	Khá
297	1601684	Trần Thị Anh Tâm	Nữ	10/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	Khá
298	1601558	Mã Quỳnh Ngọc	Nữ	25/03/1998	Lai Châu	Khá
299	1601378	Vũ Thanh Huyền	Nữ	10/11/1998	Hà Tây	Khá
300	1601022	Ngô Ngọc Anh	Nữ	22/08/1998	Hà Nam	Khá
301	1601153	Nguyễn Nguyệt Dương	Nữ	28/12/1998	Hải Dương	Khá
302	1601596	Phạm Thị Ninh	Nữ	16/11/1998	Ninh Bình	Khá
303	1601740	Nguyễn Thị Thu	Nữ	13/04/1998	Bắc Ninh	Khá
304	1601781	Nguyễn Văn Tiến	Nam	17/02/1998	Thanh Hóa	Khá
305	1601084	Trần Thị Linh Chi	Nữ	20/05/1998	Hà Tĩnh	Khá
306	1601181	Bùi Thị Thu Hà	Nữ	05/06/1998	Cao Bằng	Khá
307	1601620	Lê Hoài Phương	Nữ	13/10/1997	Thanh Hóa	Khá
308	1601857	Phạm Minh Tùng	Nam	15/12/1998	Thanh Hóa	Khá
309	1601726	Vũ Phương Thảo	Nữ	05/08/1997	Yên Bái	Khá
310	1601240	Nguyễn Đình Hậu	Nam	17/10/1998	Bắc Ninh	Khá
311	1601600	Lê Thị Kim Oanh	Nữ	07/06/1998	Hà Tĩnh	Khá
312	1601097	Lê Anh Cường	Nam	11/09/1998	Thanh Hóa	Khá
313	1601130	Trần Thế Đoan	Nam	04/03/1998	Bắc Ninh	Khá
314	1601024	Nguyễn Lê Nhật Anh	Nữ	11/10/1998	Thanh Hóa	Khá
315	1601337	Lê Thị Hương	Nữ	19/06/1998	Thanh Hóa	Khá
316	1601845	Nguyễn Khương Tuấn	Nam	10/09/1998	Hà Tây	Khá
317	1601421	Lê Thị Liễu	Nữ	05/02/1997	Hung Yên	Khá
318	1601576	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	15/12/1996	Nghệ An	Khá
319	1601158	Trần Văn Dương	Nam	10/10/1998	Thanh Hóa	Khá
320	1601350	Đỗ Thị Thu Hương	Nữ	29/01/1998	Hải Dương	Khá
321	1601406	Trịnh Thị Tùng Lâm	Nữ	20/02/1998	Thanh Hóa	Khá
322	1601634	Vũ Thị Bích Phương	Nữ	02/08/1998	Ninh Bình	Khá
323	1601722	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	29/11/1998	Hà Tây	Khá
324	1601009	Đỗ Quang Anh	Nam	18/11/1998	Thanh Hóa	Khá
325	1601041	Nguyễn Việt Anh	Nam	14/10/1998	Hà Tây	Khá
326	1601049	Trần Nguyên Anh	Nam	29/12/1998	Hà Nam	Khá
327	1601844	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	25/10/1998	Phú Thọ	Khá
328	1601592	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	23/03/1998	Thái Bình	Khá
329	1601456	Phùng Thị Thùy Linh	Nữ	19/10/1998	Bắc Ninh	Trung bình
330	1601173	Nguyễn Hà Giang	Nữ	07/04/1998	Thái Bình	Trung bình
331	1601667	Phalinar SAIPASEUTH	Nữ	25/12/1997	Lào	Trung bình
332	1601017	Hoàng Vân Anh	Nữ	17/04/1997	Phú Thọ	Trung bình
333	1601057	Đỗ Ngọc Ánh	Nam	20/04/1998	Phú Thọ	Trung bình
334	1601248	Mai Thị Hiền	Nữ	26/10/1998	Nam Định	Trung bình
335	1601356	Lục Quốc Huy	Nam	13/10/1997	Lào Cai	Trung bình
336	1601122	Vy Thị Diễm	Nữ	22/12/1997	Bắc Kạn	Trung bình
337	1601738	Đặng Thị Thu	Nữ	04/05/1998	Nam Định	Trung bình
338	1601386	Trần Văn Khang	Nam	04/04/1998	Nam Định	Trung bình

Handwritten signature

TT	MSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
339	1601446	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	07/04/1998	Thanh Hóa	Trung bình
340	1601156	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	07/07/1998	Hà Nội	Trung bình
341	1601624	Nguyễn Minh Phương	Nữ	10/01/1998	Ninh Bình	Trung bình
342	1601416	Đinh Thị Lịch	Nữ	19/05/1997	Hòa Bình	Trung bình
343	1601444	Lý Thị Thùy Linh	Nữ	23/04/1997	Hung Yên	Trung bình
344	1601120	Nhữ Trọng Đạt	Nam	12/12/1998	Thanh Hóa	Trung bình
345	1601318	Lê Mạnh Hùng	Nam	11/07/1998	Hung Yên	Trung bình
346	1601480	Nông Đức Long	Nam	19/10/1997	Cao Bằng	Trung bình
347	1601710	Nguyễn Văn Thành	Nam	24/10/1998	Bắc Ninh	Trung bình
348	1501061	Nguyễn Văn Chiến	Nam	26/06/1997	Hà Nội	Trung bình
349	1601124	Đoàn Thị Minh Điểm	Nữ	19/01/1998	Hà Tây	Trung bình
350	1601686	Phạm Văn Tấn	Nam	18/01/1998	Hải Dương	Trung bình
351	1601229	Trần Quốc Hạnh	Nam	04/11/1998	Nghệ An	Trung bình
352	1601837	Bùi Anh Tuấn	Nam	31/10/1998	Hòa Bình	Trung bình
353	1601290	Dương Thị Kim Hoàn	Nữ	07/03/1998	Hà Tây	Trung bình
354	1601502	Lê Duy Mạnh	Nam	28/12/1998	Thanh Hóa	Trung bình
355	1601128	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	31/12/1998	Nam Định	Trung bình
356	1601574	Nguyễn Thị Nhâm	Nữ	15/12/1997	Thái Nguyên	Trung bình
357	1601669	Bùi Đức Sơn	Nam	28/08/1998	Nghệ An	Trung bình
358	1601521	Đinh Hoàng Nam	Nam	29/08/1998	Thái Bình	Trung bình
359	1601706	Lê Văn Thành	Nam	10/08/1998	Thanh Hóa	Trung bình
360	1601730	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	19/05/1997	Phú Thọ	Trung bình
361	1601794	Sầm Thị Thanh Trà	Nữ	04/12/1997	Cao Bằng	Trung bình
362	1601675	KIM SOVANNA	Nữ	28/04/1998	Campuchia	Trung bình
363	1601253	Mai Vinh Hiền	Nam	09/12/1998	Hà Tây	Trung bình
364	1601742	Phùng Minh Thư	Nữ	18/10/1996	Lạng Sơn	Trung bình
365	1601096	Hoàng Hải Cường	Nam	18/02/1997	Thanh Hóa	Trung bình
366	1601448	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	20/10/1998	Phú Thọ	Trung bình
367	1601050	Trịnh Đức Anh	Nam	09/01/1998	Thanh Hóa	Trung bình
368	1401337	Bùi Thế Kiên	Nam	28/08/1996	Ninh Bình	Trung bình
369	1601257	Đỗ Thị Thu Hiệp	Nữ	10/05/1998	Hòa Bình	Trung bình
370	1501410	Sùng Nhật Quân	Nam	20/05/1995	Lào Cai	Trung bình
371	1501254	Lê Thị Lan	Nữ	06/07/1996	Thanh Hóa	Trung bình
372	1601104	Vũ Mạnh Cường	Nam	27/05/1998	Hải Dương	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG 



Nguyễn Hải Nam